

PHỤ LỤC SỐ 05
APPENDIX 05

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

Công ty CP Tập đoàn
Vinacontrol

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số: 305/HĐQT - QTCT
No. 305/HĐQT - QTCT

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2018
Hanoi 25th July 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE OF LISTING COMPANY
(6 tháng/năm 2018)
(6 months/year 2018)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

To: - The State Securities Commission
- The Stock Exchange

- Tên công ty niêm yết/Name of listing company: Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: 54 Trần Nhân Tông, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại/ Telephone: 024-3943-3840; Fax: 024-3943-3844; Email: vinacontrol@vinacontrol.com.vn
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 104.999.550.000 đồng
- Mã chứng khoán/ Securities code: VNC

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/
Information on meetings and resolutions / decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders adopted in the form of written comments):



Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	060/ĐHĐCĐ-NQ	09/04/2018	• Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2017 • Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS • Thông qua Báo cáo tài chính và tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2017 • Phương hướng phát triển kinh doanh năm 2018 • Thông qua Sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, thay đổi chức danh Người đại diện theo pháp luật • Thông qua mức thù lao của HĐQT và BKS • Giao cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2018 • Kết quả bầu thành viên HĐQT và BKS – nhiệm kỳ 2018-2023

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm 2018)/ *Board of Management (Semi-annual/annual report):*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Information about the members of the Board of Management:*

Stt No.	Thành viên HĐQT/ BOM's member	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ Day becoming/no longer member of the Board of Management	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp/ Percent age	Lý do không tham dự họp/ Reasons for absence
1	Ông Bùi Duy Chính	Chủ tịch HĐQT	09/04/2018	2	100%	
2	Ông Mai Tiến Dũng	Ủy viên HĐQT	09/04/2018	2	100%	

3	Ông Phan Văn Hùng	Ủy viên HĐQT	09/04/2018	2	100%	
4	Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT	09/04/2018	2	100%	
5	Bà Dương Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT	09/04/2018	2	100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ *Supervision by the BOD over the Director (General Director)*:

Hội đồng quản trị có 5 thành viên, Chủ tịch HĐQT, hai ủy viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong Ban Tổng giám đốc (Ông Mai Tiến Dũng, ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, Ông Phan Văn Hùng, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc) và 2 ủy viên không điều hành, trong đó có 1 ủy viên là đại diện của SCIC (cổ đông lớn của Công ty) đã giúp cho việc thống nhất và chỉ đạo, giám sát hoạt động điều hành đạt hiệu quả cao.

Trong 6 tháng đầu năm 2018, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp 02 phiên họp thường kỳ nhằm đánh giá tình hình hoạt động của toàn Công ty, đưa ra ý kiến chỉ đạo trực tiếp, giám sát và định hướng đối với công tác quản lý và điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ *Activities of the Board of Directors' committees*:

Không có Tiểu ban thuộc HĐQT.

Hội đồng quản trị cử Người phụ trách quản trị Công ty (có 02 Trợ lý giúp việc) để hỗ trợ HĐQT các công việc theo quy định trong Điều lệ Công ty.

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm 2018)/
Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual/annual report):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	037/NQ-HĐQT	01/03/2018	Kết quả cuộc họp thường kỳ ngày 26/02/2018
2	062/QĐ-HĐQT	10/04/2018	Bầu Chủ tịch HĐQT và bổ nhiệm TGD nhiệm kỳ 2018-2023
3	063/QĐ-HĐQT	10/04/2018	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2017
4	064/QĐ-HĐQT	10/04/2018	Tái bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty
5	065/QĐ-HĐQT	10/04/2018	Tái bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty
6	066/QĐ-HĐQT	15/04/2018	Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh
7	067/QĐ-HĐQT	15/04/2018	Bổ nhiệm thành viên HĐQT Công ty TNHH giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh
7	068/QĐ-HĐQT	15/04/2018	Bổ nhiệm cán bộ tham gia vào Ban kiểm soát Công ty TNHH giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh
8	072/QĐ-HĐQT	24/04/2018	Cử Người phụ trách quản trị Công ty
9	075/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (Vinacontrol Hà Nội)
10	076/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (Vinacontrol Hải Phòng)
11	077/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (Vinacontrol Quảng Ninh)
12	078/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (Vinacontrol Đà Nẵng)
13	079/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh)
14	080/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh)
15	081/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh)
16	082/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh)
17	083/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (VPTĐ)
18	084/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (VPTĐ)
19	085/QĐ-HĐQT	14/05/2018	Tái bổ nhiệm cán bộ (VPTĐ)
20	152/NQ-HĐQT	30/05/2016	Kết quả cuộc họp thường kỳ ngày 29/05/2018

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng/năm 2018)/ *Supervisory Board (Semi-annual/annual report)*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ *Information about members of Supervisory Board:*

Stt No.	Thành viên BKS Members of Supervisory Board	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS Day becoming/no longer member of the Supervisory Board	Số buổi họp BKS tham dự Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp Percentage	Lý do không tham dự họp Reasons for absence
1	Bà Nguyễn Thị Thủy Ngân	Trưởng BKS	09/04/2018	2	100%	
2	Ông Nguyễn Quốc Minh	TV BKS	09/04/2018	2	100%	
3	Ông Nguyễn Trung Hiếu	TV BKS	09/04/2018	2	100%	

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông *Surveillance activities of the Supervisory Board toward the Board of Management, Board of Directors and shareholders:*

- Tham dự 02 cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị; ghi nhận tình hình hoạt động của các đơn vị và tham gia đóng góp ý kiến về hoạt động kinh doanh, quản trị và đầu tư phát triển Công ty; giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quy chế, quy định do Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty đã ban hành.
- Theo dõi việc thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2017.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Supervisory Board with the Board of Management, Board of Directors and different managers:*

- Một trong ba thành viên BKS đang giữ các chức vụ quản lý tại đơn vị thành viên, tham gia vào hoạt động kinh doanh của đơn vị nên có điều kiện trao đổi thường xuyên, góp ý trực tiếp với lãnh đạo đơn vị về hoạt động kinh doanh, điều hành.

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ *Other activities of the Supervisory Board (if any):*

IV. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance which members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO), other managers and company secretary was involved in accordance with regulations on corporate governance:*

- Thực hiện các thông tư, công văn mới: Công văn 2463/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 11/05/2016.

V. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/năm 2018) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty / *List of affiliated persons of the public company as specified in clause 34, Article 6 of the Securities Law (Semi-annual/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company with the Company*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *List of affiliated persons of the Company*

(Xin xem file gửi kèm)

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Addres s</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the company and the affiliated persons or between the company and major shareholders, internal persons and related person of internal person. – N/A*

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với	Số Giấy NSH*, ngày	Địa chỉ trụ sở	Thời điểm giao dịch	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi	Ghi chú <i>Note</i>
---------	---------------------	---------------------------	--------------------	----------------	---------------------	--------------------------------------	--	------------------------

	<i>Name of organization/individual</i>	<i>công ty Relations hip</i>	<i>cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	<i>chính/Địa chỉ liên hệ Addres s</i>	<i>với công ty Time of transacti ons</i>	<i>HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Number of resolutions / decisions of the AGM / BOM adopted (if any, specify date of issue)</i>	<i>giao dịch Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction</i>	

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/ NSH*: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal person of listed company and company's subsidiaries, or the company in which listed company takes controlling power - N/A*

<i>Stt No.</i>	<i>Người thực hiện giao dịch Transa ction execut or</i>	<i>Quan hệ với người nội bộ Relation ship with internal person</i>	<i>Chức vụ tại CTNY Positti on at listed compa ny</i>	<i>Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/Pass port No. , date of issue, place of issue</i>	<i>Địa chỉ Addr ess</i>	<i>Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát Name of subsidiaries , the company which listed company control</i>	<i>Thời điểm giao dịch Time of transac tion</i>	<i>Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch/ Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction</i>	<i>Ghi chú Note</i>

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the company and other objects: N/A*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/

Transactions between the company and the company that members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) has been a founding member or members of Board of Management, Director (CEO) in three (03) years (calculated at the time of reporting).
N/A

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the company and the company that related person of members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) as a member of Board of Management, Director (CEO).* N/A

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Other transactions of the company (if any) may be beneficial material or immaterial for members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO).* N/A

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm 2018)/ *Transactions of internal persons and related person of internal person (Semi-annual/annual reports)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *List of internal persons and their affiliated persons: (Xin xem file gửi kèm.)*

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/Pass port No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1	(Tên người nội bộ/ Name of internal person)							
	Tên người có liên quan của người nội bộ/ Name affiliated person							
2	...							

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết/
Transactions of internal persons and affiliated persons on shares of the listed company – N/A

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal person</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increase, decrease (purchase, sale, switch, reward...)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ Percentage	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ Percentage	

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác/ Other significant issues

CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF THE BOD

(Ký tên và đóng dấu)
(Sign and seal)



TS. Bùi Duy Chính



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ hộ chiếu	Ngày cấp (dd/mm/yyyy)	Nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Bùi Duy Chính	006C001962	Chủ tịch HĐQT	023536703	16/06/2000	Hồ Chí Minh	54 Trần Nhân Tông, Hai Bà Trưng, Hà Nội	423.520	4,034%	
1.1	Đoàn Bích Hồng	006C007744		024145967	19/09/2003	Hồ Chí Minh	407/23 Sư Vạn Hạnh, F12, Q10, TP.HCM	0		
1.2	Bùi Phương Thảo	Không					Làm việc tại Canada	0		
1.3	Bùi Duy Anh	Không		024657375	02/02/2007	Hồ Chí Minh	407/23 Sư Vạn Hạnh, F12, Q10, TP.HCM	0		
1.4	Bùi Công Trung	011C000109		020689955	22/05/2004	Hồ Chí Minh	18Bis/25Nguyễn Thị Minh Khai, Q1, TP.HCM	0		
1.5	Bùi Hồng Thịnh	006C023460		273171976	20/11/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	105/2C Lê Ngọc Hân, Vũng Tàu	0		
1.6	Bùi Hồng Việt	16114CKNHDT		273159016	06/07/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	105/2A Lê Ngọc Hân, Vũng Tàu	0		
1.7	Bùi Duy Hằng	Không					Định cư Canada	0		
1.8	Bùi Hải Yến	014C000534		024211129	07/07/2004	Hồ Chí Minh	30 Đường 37, Quận 7, TP.HCM	0		
2	Mai Tiến Dũng	001C130541	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc	011198527	13/10/2010	Hà Nội	54 Trần Nhân Tông, Hai Bà Trưng, Hà Nội	22.933	0,218%	
2.1	Lê Thị Hương Giang	042C003989		011613800	03/06/1999	Hà Nội	C.H số 27/03 – Khối A Tổ hợp chung cư cao tầng và dịch vụ N04, K.Đ.T Đông Nam, Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	0		
2.2	Mai Trúc Quỳnh	Không		013122131	23/09/2008	Hà Nội	C.H số 27/03 – Khối A Tổ hợp chung cư cao tầng và dịch vụ N04, K.Đ.T Đông Nam, Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	0		
2.3	Mai Sĩ Tuấn	Không		010647120	29/08/2003	Hà Nội	133 Hoa Bằng, Cầu Giấy, Hà Nội	0		
2.4	Mai Trọng Đức	Không		C24214821	10/02/2004	Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh, TP.HCM	0		



STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ hộ chiếu	Ngày cấp (dd/mm/yyyy)	Nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
3	Phan Văn Hùng	001C132530	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Người CBTT	181340639	05/06/1996	Nghệ An	54 Trần Nhân Tông, Hai Bà Trưng, Hà Nội	10.960	0,104%	
3.1	Phan Văn Thiêm	Không		182018543	03/10/1992	Nghệ An	Khối 17, P.Hà Huy Tập, TP.Vinh, Nghệ An	0		
3.2	Trần Thị Xuân	Không		182018517	01/10/1992	Nghệ An	Khối 17, P.Hà Huy Tập, TP.Vinh, Nghệ An	0		
3.3	Trương Thị Mai Hoa	Không		181426268	12/12/1996	Nghệ An	Khối 1, P.Lê Lợi, TP.Vinh, Nghệ An	0		
3.4	Phan Tùng Sơn	Không		186720210	13/12/2008	Nghệ An	Phòng 1503 Nhà I.9, Thanh Xuân, Hà Nội	0		
3.5	Phan Tùng Hưng	Không					Phòng 1503 Nhà I.9, Thanh Xuân, Hà Nội	0		
3.6	Phan Văn Hải	Không		181595379	23/03/2007	Nghệ An	Khối 17, P.Hà Huy Tập, TP.Vinh, Nghệ An	0		
4	Dương Thanh Huyền	Không	Ủy viên HĐQT	011962741	05/12/2012	Hà Nội	151 Phố Thụy Khé, Quận Tây Hồ, Hà Nội	0		
4.1	Dương Trung Quốc	Không					Số 7 ngõ 01 Lê Văn Huru, Hà Nội	0		
4.2	Nguyễn Thị Thu Hằng	002C102766		011314782	16/01/2007	Hà Nội	Số 7 ngõ 01 Lê Văn Huru, Hà Nội	144.900	1,380%	
4.3	Phạm Thành Đô	Không					151 Phố Thụy Khé, Quận Tây Hồ, Hà Nội	0		
4.4	Dương Thu Nga	Không						0		
5	Nguyễn Thanh Hương	Không	Ủy viên HĐQT	012184209	21/12/2007	Hà Nội	Phòng B401, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	0		
5.1	Nguyễn Thọ Luyện	Không						0		
5.2	Phạm Thị Thanh	Không						0		
5.3	Vũ Quang Tùng	Không					Phòng B401, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	0		
5.4	Vũ Đức An	Không					Phòng B401, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	0		
5.5	Vũ Bảo Hân	Không					Phòng B401, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	0		
5.6	Nguyễn Thọ Linh	Không						0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/hộ chiếu	Ngày cấp (dd/mm/yyyy)	Nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
6	Lưu Ngọc Hiền	001C132555	Kế toán trưởng	011611913	25/06/2009	Hà Nội	Phòng 403, 34T Trung Hoà - Cầu Giấy, Hà Nội	42.520	0,405%	
6.1	Vũ Minh Nguyệt	Không		011072023	21/03/2006	Hà Nội	Phòng 403, 34T Trung Hoà - Cầu Giấy, Hà Nội	0		
6.2	Lưu Ngọc Hiệp	Không		012845732	17/04/2006	Hà Nội	Phòng 403, 34T Trung Hoà - Cầu Giấy, Hà Nội	0		
6.3	Lưu Minh Châu	Không					Phòng 403, 34T Trung Hoà - Cầu Giấy, Hà Nội	0		
6.4	Lưu Thị Thìn	Không					Nam Hồng - Nam Trực - Nam Định	0		
6.5	Lưu Thị Tuất	Không					71/197 Hoàng Mai - Hà Nội	0		
6.6	Lưu Thị Hoà	Không					Số 120/151 Nguyễn Đức Cảnh - Hà Nội	0		
7	Nguyễn Thị Thủy Ngân	Không	Trưởng BKS	030185000138	29/08/2014	Hà Nội	16B/580 Trường Chinh, Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	0		
7.1	Nguyễn Đức Hợp	Không						0		
7.2	Lê Thị Nguyễn	Không						0		
7.3	Phạm Văn Hào	Không						0		
7.4	Nguyễn Thị Thùy Nga	Không						0		
8	Nguyễn Quốc Minh	Không	TV BKS	025863676	26/12/2013	Hồ Chí Minh	16/7/5 Phạm Ngũ Lão, P4, Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	0		
8.1	Hoàng Thị Nga	Không					16/7/5 Phạm Ngũ Lão, P4, Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	0		
8.2	Hương Giang	Không					16/7/5 Phạm Ngũ Lão, P4, Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	0		
8.3	Dung	Không						0		
8.4	Nguyễn Hoàng Hà	Không						0		
8.5	Nguyễn Hồng Quang	Không						0		
8.6	Nguyễn Quốc Bình	Không						0		
8.7	Nguyễn Hoàng An	Không						0		
9	Nguyễn Trung Hiếu	Không	TV BKS	012319228		Hà Nội	2/158 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà Nội	0		

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ hộ chiếu	Ngày cấp (dd/mm/yyyy)	Nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
9.1	Nguyễn Tiến Thóa	Không						0		
9.2	Nguyễn Thị Vui	Không						0		
9.3	Đặng Sơn Nguyễn Thảo	Không					2/158 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà Nội	0		
9.4	Nguyễn Sơn Tùng	Không					2/158 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà Nội	0		
9.5	Nguyễn Đăng Anh	Không					2/158 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà Nội	0		
9.6	Nguyễn Trung Thành	Không						0		
9.7	Nguyễn Tùng Nghĩa	Không						0		
9.8	Công ty TNHH MTV Khai thác và chế biến đá An Giang						Ấp Tò Bình, Xã Cỏ Tò, Huyện Trí Tôn, Tỉnh An Giang	0		Kiểm soát viên
9.9	Công ty CP Thương mại du lịch và Dịch vụ tổng hợp Điện Biên						898, Đường Võ Nguyên Giáp, Tổ dân phố 6, Phường Tân Thanh, Tp Điện Biên Phủ	0		Là thành viên Ban kiểm soát

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên cổ đông	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Ghi chú
1	Bùi Duy Chính	Chủ tịch HĐQT	423.520	4,034%	
1.1	Đoàn Bích Hồng		0		
1.2	Bùi Phương Thảo		0		
1.3	Bùi Duy Anh		0		
1.4	Bùi Công Trùng		0		
1.5	Bùi Hồng Thịnh		0		
1.6	Bùi Hồng Việt		0		
1.7	Bùi Duy Hùng		0		
1.8	Bùi Hải Yến		0		
2	Mai Tiến Dũng	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc	22.933	0,218%	
2.1	Lê Thị Hương Giang		0		
2.2	Mai Trúc Quỳnh		0		
2.3	Mai Sĩ Tuấn		0		
2.4	Mai Trọng Đức		0		
3	Phan Văn Hùng	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Người CBTT	10.960	0,104%	
3.1	Phan Văn Thiêm		0		
3.2	Trần Thị Xuân		0		
3.3	Trương Thị Mai Hoa		0		
3.4	Phan Tùng Sơn		0		
3.5	Phan Tùng Hưng		0		
3.6	Phan Văn Hải		0		
4	Dương Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT	0		
4.1	Dương Trung Quốc		0		
4.2	Nguyễn Thị Thu Hằng		144.900	1,380%	

STT	Tên cổ đông	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Ghi chú
4.3	Phạm Thành Đô		0		
4.4	Dương Thu Nga		0		
5	Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT	0		
5.1	Nguyễn Thọ Luyện		0		
5.2	Phạm Thị Thanh		0		
5.3	Vũ Quang Tùng		0		
5.4	Vũ Đức An		0		
5.5	Vũ Bảo Hân		0		
5.6	Nguyễn Thọ Linh		0		
6	Lưu Ngọc Hiền	Kế toán trưởng	42.520	0,405%	
6.1	Vũ Minh Nguyệt		0		
6.2	Lưu Ngọc Hiệp		0		
6.3	Lưu Minh Châu		0		
6.4	Lưu Thị Thìn		0		
6.5	Lưu Thị Tuất		0		
6.6	Lưu Thị Hoà		0		
7	Nguyễn Thị Thủy Ngân	Trưởng BKS	0		
7.1	Nguyễn Đức Hợp		0		
7.2	Lê Thị Nguyên		0		
7.3	Phạm Văn Hào		0		
7.4	Nguyễn Thị Thùy Nga		0		
8	Nguyễn Quốc Minh	TV BKS	0		
8.1	Hoàng Thị Nga		0		
8.2	Hoàng Thị Hương Giang		0		
8.3	Nguyễn Hoàng Hương Dung		0		
8.4	Nguyễn Hoàng Hà		0		

2-01
 AN
 AN
 ROL
 TP. HÀ

STT	Tên cổ đông	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Ghi chú
8.5	Nguyễn Hồng Quang		0		
8.6	Nguyễn Quốc Bình		0		
8.7	Nguyễn Hoàng An		0		
9	Nguyễn Trung Hiếu	TV BKS	0		
9.1	Nguyễn Tiến Thỏa		0		
9.2	Nguyễn Thị Vui		0		
9.3	Đặng Sơn Nguyệt Thảo		0		
9.4	Nguyễn Sơn Tùng		0		
9.5	Nguyễn Đăng Anh		0		
9.6	Nguyễn Trung Thành		0		
9.7	Nguyễn Tùng Nghĩa		0		
9.8	Công ty TNHH MTV Khai thác và chế biến đá An Giang		0		Kiểm soát viên
9.9	Công ty CP Thương mại du lịch và Dịch vụ tổng hợp Điện Biên		0		Là thành viên Ban kiểm soát



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do Reasons
1	Bùi Duy Chính	006C001962	Chủ tịch HĐQT	023536703	54 Trần Nhân Tông, Hai Bà Trưng, Hà Nội			
1.1	Đoàn Bích Hồng	006C007744		024145967	407/23 Sư Vạn Hạnh, F12, Q10, TP.HCM			NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.2	Bùi Phương Thảo	Không			Làm việc tại Canada			NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.3	Bùi Duy Anh	Không		024657375	407/23 Sư Vạn Hạnh, F12, Q10, TP.HCM			NCLQ của Chủ tịch HĐQT
					18Bis/25 Nguyễn Thị Minh Khai, Q1, TP.HCM			
1.4	Bùi Công Trùng	011C000109		020689955	105/2C Lê Ngọc Hân, Vũng Tàu			NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.5	Bùi Hồng Thịnh	006C023460		273171976	105/2C Lê Ngọc Hân, Vũng Tàu			NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.6	Bùi Hồng Việt	16114CKNHDT		273159016	105/2A Lê Ngọc Hân, Vũng Tàu			NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.7	Bùi Duy Hùng	Không			Định cư Canada			NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.8	Bùi Hải Yến	014C000534		024211129	30 Đường 37, Quận 7, TP.HCM			NCLQ của Chủ tịch HĐQT
2	Mai Tiến Dũng	001C130541	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc	011198527	54 Trần Nhân Tông, Hai Bà Trưng, Hà Nội			
					C.H số 27/03 – Khối A Tổ hợp chung cư cao tầng và dịch vụ N04, K.D.T Đông Nam, Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội			
2.1	Lê Thị Hương Giang	042C003989		011613800	Giấy, Hà Nội			NCLQ của Tổng giám đốc



2.2	Mai Trúc Quỳnh	Không		C.H số 2703 – Khối A Tờ hợp chung cư cao tầng và dịch vụ N04, K.D.T Đông Nam, Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội			NCLQ của Tổng giám đốc
2.3	Mai Sĩ Tuấn	Không	013122131	133 Hoa Bằng, Cầu Giấy, Hà Nội			NCLQ của Tổng giám đốc
2.4	Mai Trọng Đức	Không	C24214821	Quận Bình Thạnh, TP.HCM			NCLQ của Tổng giám đốc
3	Phan Văn Hùng	001C132530	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Người CBTT	181340639	54 Trần Nhân Tông, Hai Bà Trưng, Hà Nội		
3.1	Phan Văn Thiêm	Không	182018543	Khối 17, P.Hà Huy Tập, TP.Vinh, Nghệ An			NCLQ của Ủy viên HĐQT
3.2	Trần Thị Xuân	Không	182018517	Khối 17, P.Hà Huy Tập, TP.Vinh, Nghệ An			NCLQ của Ủy viên HĐQT
3.3	Trương Thị Mai Hoa	Không	181426268	Khối 1, P.Lê Lợi, TP.Vinh, Nghệ An			NCLQ của Ủy viên HĐQT
3.4	Phan Tùng Sơn	Không	186720210	Phòng 1503 Nhà I.9, Thanh Xuân, Hà Nội			NCLQ của Ủy viên HĐQT
3.5	Phan Tùng Hưng	Không		Phòng 1503 Nhà I.9, Thanh Xuân, Hà Nội			NCLQ của Ủy viên HĐQT
3.6	Phan Văn Hải	Không	181595379	Khối 17, P.Hà Huy Tập, TP.Vinh, Nghệ An			NCLQ của Ủy viên HĐQT
4	Dương Thanh Huyền	Không	Ủy viên HĐQT	151 Phố Thụy Khê, Quận Tây Hồ, Hà Nội			
4.1	Dương Trung Quốc	Không	011962741				NCLQ của Ủy viên HĐQT
4.2	Nguyễn Thị Thu Hằng	002C102766	011314782	Số 7 ngõ 01 Lê Văn Hur, Hà Nội			NCLQ của Ủy viên HĐQT
4.3	Phạm Thành Đồ	Không		151 Phố Thụy Khê, Quận Tây Hồ, Hà Nội			NCLQ của Ủy viên HĐQT
4.4	Dương Thu Nga	Không					NCLQ của Ủy viên HĐQT
5	Nguyễn Thanh Hương	Không	Ủy viên HĐQT				
5.1	Nguyễn Thọ Luyến	Không					NCLQ của Ủy viên HĐQT
5.2	Phạm Thị Thanh	Không					NCLQ của Ủy viên HĐQT
5.3	Vũ Quang Tùng	Không					NCLQ của Ủy viên HĐQT
5.4	Vũ Đức An	Không					NCLQ của Ủy viên HĐQT
5.5	Vũ Bảo Hân	Không					NCLQ của Ủy viên HĐQT
5.6	Nguyễn Thọ Linh	Không					NCLQ của Ủy viên HĐQT
6	Lưu Ngọc Hiền	001C132555	Kế toán trưởng	Phòng 403, 34T Trung Hoà - Cầu Giấy, Hà Nội			
6.1	Vũ Minh Nguyệt	Không	011611913	Phòng 403, 34T Trung Hoà - Cầu Giấy, Hà Nội			NCLQ của Kế toán trưởng
6.2	Lưu Ngọc Hiệp	Không	011072023	Phòng 403, 34T Trung Hoà - Cầu Giấy, Hà Nội			NCLQ của Kế toán trưởng
6.3	Lưu Minh Châu	Không	012845732	Phòng 403, 34T Trung Hoà - Cầu Giấy, Hà Nội			NCLQ của Kế toán trưởng
6.4	Lưu Thị Thìn	Không	Chưa có	Phòng 403, 34T Trung Hoà - Cầu Giấy, Hà Nội			NCLQ của Kế toán trưởng
6.5	Lưu Thị Tuất	Không		Nam Hồng - Nam Trực - Nam Định			NCLQ của Kế toán trưởng
6.6	Lưu Thị Hoà	Không		71/197 Hoàng Mai - Hà Nội			NCLQ của Kế toán trưởng
				Số 120/151 Nguyễn Đức Cảnh - Hà Nội			NCLQ của Kế toán trưởng

7	Nguyễn Thị Thủy Ngân	Không	Trường BKS	030185000138	16B/580 Trường Chinh, Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội				
7.1	Nguyễn Đức Hợp	Không							NCLQ của Trường BKS
7.2	Lê Thị Nguyễn	Không							NCLQ của Trường BKS
7.3	Phạm Văn Hào	Không							NCLQ của Trường BKS
7.4	Nguyễn Thị Thùy Nga	Không							NCLQ của Trường BKS
8	Nguyễn Quốc Minh	Không	TV BKS						NCLQ của Trường BKS
8.1	Hoàng Thị Nga	Không							NCLQ của Trường BKS
	Hoàng Thị								
8.2	Hương Giang	Không							NCLQ của Trường BKS
8.3	Nguyễn Hoàng Hương Dung	Không							NCLQ của Trường BKS
8.4	Nguyễn Hoàng Hà	Không							NCLQ của Trường BKS
8.5	Nguyễn Hồng Quang	Không							NCLQ của Trường BKS
8.6	Nguyễn Quốc Bình	Không							NCLQ của Trường BKS
8.7	Nguyễn Hoàng An	Không							NCLQ của TV BKS
9	Nguyễn Trung Hiếu	Không	TV BKS						NCLQ của TV BKS
9.1	Nguyễn Tiến Thóa	Không							NCLQ của TV BKS
9.2	Nguyễn Thị Vui	Không							NCLQ của TV BKS
	Đặng Sơn								
9.3	Nguyễn Thảo	Không							NCLQ của TV BKS
9.4	Nguyễn Sơn Tùng	Không							NCLQ của TV BKS
9.5	Nguyễn Đăng Anh	Không							NCLQ của TV BKS
9.6	Nguyễn Trung Thành	Không							NCLQ của TV BKS
9.7	Nguyễn Tùng Nghĩa	Không							NCLQ của TV BKS
	Công ty TNHH MTV Khai thác và chế biến đá An								
9.8	Giang								NCLQ của TV BKS
9.9	Công ty CP Thương mại du lịch và Dịch vụ tổng hợp Điện Biên								NCLQ của TV BKS



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons
1	Bùi Duy Chính	Chủ tịch HĐQT			
1.1	Đoàn Bích Hồng				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.2	Bùi Phương Thảo				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.3	Bùi Duy Anh				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.4	Bùi Công Trùng				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.5	Bùi Hồng Thịnh				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.6	Bùi Hồng Việt				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.7	Bùi Duy Hùng				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
1.8	Bùi Hải Yến				NCLQ của Chủ tịch HĐQT
2	Mai Tiến Dũng	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc			
2.1	Lê Thị Hương Giang				NCLQ của Tổng giám đốc
2.2	Mai Trúc Quỳnh				NCLQ của Tổng giám đốc
2.3	Mai Sĩ Tuấn				NCLQ của Tổng giám đốc
2.4	Mai Trọng Đức				NCLQ của Tổng giám đốc
3	Phan Văn Hùng	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Người CBTT			
3.1	Phan Văn Thiêm				NCLQ của Ủy viên HĐQT
3.2	Trần Thị Xuân				NCLQ của Ủy viên HĐQT
3.3	Trương Thị Mai Hoa				NCLQ của Ủy viên HĐQT
3.4	Phan Tùng Sơn				NCLQ của Ủy viên HĐQT
3.5	Phan Tùng Hưng				NCLQ của Ủy viên HĐQT
3.6	Phan Văn Hải				NCLQ của Ủy viên HĐQT
4	Dương Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT			



STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>
4.1	Dương Trung Quốc				NCLQ của Ủy viên HĐQT
4.2	Nguyễn Thị Thu Hằng				NCLQ của Ủy viên HĐQT
4.3	Phạm Thành Đô				NCLQ của Ủy viên HĐQT
4.4	Dương Thu Nga				NCLQ của Ủy viên HĐQT
5	Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT			
5.1	Nguyễn Thọ Luyện				NCLQ của Ủy viên HĐQT
5.2	Phạm Thị Thanh				NCLQ của Ủy viên HĐQT
5.3	Vũ Quang Tùng				NCLQ của Ủy viên HĐQT
5.4	Vũ Đức An				NCLQ của Ủy viên HĐQT
5.5	Vũ Bảo Hân				NCLQ của Ủy viên HĐQT
5.6	Nguyễn Thọ Linh				NCLQ của Ủy viên HĐQT
6	Lưu Ngọc Hiền	Kế toán trưởng			
6.1	Vũ Minh Nguyệt				NCLQ của Kế toán trưởng
6.2	Lưu Ngọc Hiệp				NCLQ của Kế toán trưởng
6.3	Lưu Minh Châu				NCLQ của Kế toán trưởng
6.4	Lưu Thị Thìn				NCLQ của Kế toán trưởng
6.5	Lưu Thị Tuất				NCLQ của Kế toán trưởng
6.6	Lưu Thị Hoà				NCLQ của Kế toán trưởng
7	Nguyễn Thị Thùy Ngân	Trưởng BKS			
7.1	Nguyễn Đức Hợp				NCLQ của Trưởng BKS
7.2	Lê Thị Nguyên				NCLQ của Trưởng BKS
7.3	Phạm Văn Hào				NCLQ của Trưởng BKS
7.4	Nguyễn Thị Thùy Nga				NCLQ của Trưởng BKS
8	Nguyễn Quốc Minh	TV BKS			
8.1	Hoàng Thị Nga				NCLQ của TV BKS
8.2	Hoàng Thị Hương Giang				NCLQ của TV BKS



STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>
8.3	Nguyễn Hoàng Hương Dung				NCLQ của TV BKS
8.4	Nguyễn Hoàng Hà				NCLQ của TV BKS
8.5	Nguyễn Hồng Quang				NCLQ của TV BKS
8.6	Nguyễn Quốc Bình				NCLQ của TV BKS
8.7	Nguyễn Hoàng An				NCLQ của TV BKS
9	Nguyễn Trung Hiếu	TV BKS			
9.1	Nguyễn Tiến Thỏa				NCLQ của TV BKS
9.2	Nguyễn Thị Vui				NCLQ của TV BKS
9.3	Đặng Sơn Nguyễn Thảo				NCLQ của TV BKS
9.4	Nguyễn Sơn Tùng				NCLQ của TV BKS
9.5	Nguyễn Đăng Anh				NCLQ của TV BKS
9.6	Nguyễn Trung Thành				NCLQ của TV BKS
9.7	Nguyễn Tùng Nghĩa				NCLQ của TV BKS
9.8	Công ty TNHH MTV Khai thác và chế biến đá An Giang				NCLQ của TV BKS
9.9	Công ty CP Thương mại du lịch và Dịch vụ tổng hợp Điện Biên				NCLQ của TV BKS